TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy.

Bà Lý Ngọc Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nơi ở hiện tại: Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nơi ở hiện tại: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2024, bản tự khai ngày 26/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy T thông qua tìm hiểu, quen biết, xây dựng tình cảm mới tiến đến hôn nhân. Ngày 23/5/2016, anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, anh với chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Giữa năm 2020, anh sang N làm việc, mâu thuẫn giữa anh và chị T ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh và chị T hiện tại không

còn sống chung với nhau, anh chị ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay, cả hai đều không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa anh với chị T đi vào bế tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bảng tự khai ngày 07/11/2024, bảng tự khai bổ sung ngày 27/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh N thông qua quen biết tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C ngày 23/5/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến thời điểm năm 2022, anh N có con riêng ở nước ngoài nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn thường xuyên nói chuyện với nhau; thời gian đầu vợ chồng cũng có thiện chí hàn gắn nhưng vì sống xa nhau nên không thể hàn gắn được. Năm 2020, anh N sang N để làm việc. Năm 2022, chị có sang N đi viện đoàn tụ gia đình với anh. Đến tháng 9/2022, chị về Việt Nam và anh N cũng về Việt Nam thăm gia đình. Thời điểm đó, vợ chồng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn, chị chấp nhận hòa giải và tiếp tục mối quan hệ vợ chồng; tuy nhiên, đến tháng sau, anh N trở lại Nhật Bản thì tiếp tục qua lại với phía con riêng nên mâu thuẫn tiếp tục diễn ra. Đến thời điểm hiện tại, anh N không còn về thăm chị nữa. Khoảng từ giữa năm 2023, hai bên không còn qua lại điện thoại nhắn tin nữa.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, anh N và chị cũng đã thỏa thuận được về phần tài sản chung nên chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh N. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh N;

- Về con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Thanh N đang sinh sống và làm việc tại; chị Nguyễn Thị Thùy T đang cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh N và chị T, nhận thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị T là có thực và đã tồn tại trong một thời gian dài, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng việc anh N không chung thủy trong hôn nhân là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù anh N và chị T đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến từ năm 2023 đến nay anh chị đã không còn liên lạc với nhau. Hiện anh N và chị T đã ly thân, không còn sống chung với nhau, anh N sống và làm việc tại Nhật Bản, chị T sống và làm việc tại Việt Nam, khoảng cách địa lý khiến cho việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng gặp nhiều khó khăn. Anh N và chị T đều cho rằng hai bên không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, việc anh N cương quyết xin ly hôn, chị T cũng đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho anh N và chị T.

Về con chung: Anh N và chị T thống nhất quá trình chung sống, anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, tài sản chung: Anh N và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Thùy T.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Thùy T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Thùy T thuận tình ly hôn.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0000387 ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 225.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Thanh N cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong